

ĐƠN VỊ: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024.37830856

Fax: 024.37830859

Mã số thuế: 0101218757

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)*

Quý 1 Năm 2022

Hà Nội, tháng 04 năm 2022



MỤC LỤC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 Năm 2022

Tên đơn vị : **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG**

Địa chỉ : Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại : 024.37830856

Fax: 024.37830859

Mã số thuế : 0101218757

1. Bảng cân đối kế toán
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
4. Thuyết minh báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2022 (Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (31/03/2022)	Số đầu năm (01/01/2022)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		1.602.291.686.123	1.690.638.556.824
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110	V.1	167.185.666.382	513.520.941.876
1. Tiền		111		65.595.547.040	186.861.064.903
2. Các khoản tương đương tiền		112		101.590.119.342	326.659.876.973
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		120		82.826.061.600	82.826.061.600
1. Chứng khoán kinh doanh		121	V.2a	205.442.500	205.442.500
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		123	V.2b	82.620.619.100	82.620.619.100
III. Các khoản phải thu ngắn hạn		130		753.464.011.410	629.365.583.232
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		131	V.3	551.328.394.378	530.989.079.961
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		132	V.4	136.788.200.305	56.435.284.726
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn		135	V.5a	-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác		136	V.6	65.347.416.727	41.941.218.545
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý		139		-	-
IV. Hàng tồn kho		140		580.821.580.634	455.369.696.176
1. Hàng tồn kho		141	V.7	580.821.580.634	455.369.696.176
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác		150		17.994.366.097	9.556.273.940
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		151	V.8a	2.803.219.156	2.751.220.720
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		152		15.141.376.446	6.768.294.864
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		153		49.770.495	36.758.356
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác		155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2022 (Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022)

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (31/03/2022)	Số đầu năm (01/01/2022)
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.046.775.289.364	1.045.483.274.347
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		340.986.466.807	343.010.770.426
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	40.986.466.807	43.010.770.426
6. Phải thu dài hạn khác	216		300.000.000.000	300.000.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		36.579.879.732	33.951.968.496
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	36.451.241.724	33.799.997.157
<i>Nguyên giá</i>	222		317.793.440.906	311.500.460.906
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(281.342.199.182)	(277.700.463.749)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	128.638.008	151.971.339
<i>Nguyên giá</i>	228		1.418.944.090	1.418.944.090
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.290.306.082)	(1.266.972.751)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.348.638.046	1.857.138.046
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	2.348.638.046	1.857.138.046
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		658.117.000.000	658.117.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2c	657.358.000.000	657.358.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	759.000.000	759.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2c	-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2b	0	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		8.743.304.779	8.546.397.379
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	8.743.304.779	8.546.397.379
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.649.066.975.487	2.736.121.831.171

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2022 (Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022)

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (31/03/2022)	Số đầu năm (01/01/2022)
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		1.698.595.796.036	1.794.819.657.674
I. Nợ ngắn hạn	310		1.395.862.835.342	1.491.715.792.251
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	179.614.066.168	313.025.074.760
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	494.992.604.657	451.605.841.115
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	3.774.866.876	8.479.016.472
4. Phải trả người lao động	314		7.955.878.801	20.812.292.191
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	36.155.622.263	6.760.871.828
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	4.385.172.928	4.885.057.205
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	656.460.830.099	672.104.905.130
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.18a	0	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	12.523.793.550	14.042.733.550
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		302.732.960.694	303.103.865.423
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	302.048.870.953	302.419.775.682
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.18b	684.089.741	684.089.741
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2022 (Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022)

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (31/03/2022)	Số đầu năm (01/01/2022)
D- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		950.471.179.451	941.302.173.497
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	950.471.179.451	941.302.173.497
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		629.995.540.000	629.995.540.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		629.995.540.000	629.995.540.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		17.732.079.678	17.732.079.678
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		41.352.798.365	41.352.798.365
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		261.390.761.408	252.221.755.454
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		252.221.755.454	252.221.755.454
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		9.169.005.954	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.649.066.975.487	2.736.121.831.171

Người lập biểu

Lê Thị Hà

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thu

Lập, ngày 27 tháng 04 năm 2022

Tổng Giám đốc



Trần Anh Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2022 (Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 1 năm 2022

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1		Năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	Đơn vị tính: VND
			Năm nay	Năm trước			
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	189.205.542.266	137.622.771.856	189.205.542.266	137.622.771.856	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.2	189.205.542.266	137.622.771.856	189.205.542.266	137.622.771.856	
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	159.193.997.751	122.152.913.931	159.193.997.751	122.152.913.931	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	VI.3	30.011.544.515	15.469.857.925	30.011.544.515	15.469.857.925	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	5.047.205.485	13.910.932.805	5.047.205.485	13.910.932.805	
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	10.556.378.930	9.605.754.044	10.556.378.930	9.605.754.044	
Trong đó: chi phí lãi vay	23		10.556.378.930	9.476.107.811	10.556.378.930	9.476.107.811	
8. Chi phí bán hàng	25		-	-	-	-	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	13.158.609.191	10.898.362.593	13.158.609.191	10.898.362.593	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.343.761.879	8.876.674.093	11.343.761.879	8.876.674.093	
11. Thu nhập khác	31	VI.6	542.973.634	994.988.236	542.973.634	994.988.236	
12. Chi phí khác	32	VI.7	21.117.374	1.633.072	21.117.374	1.633.072	
13. Lợi nhuận khác	40		521.856.260	993.355.164	521.856.260	993.355.164	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11.865.618.139	9.870.029.257	11.865.618.139	9.870.029.257	
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	2.696.612.185	706.408.892	2.696.612.185	706.408.892	
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	0	-	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		9.169.005.954	9.163.620.365	9.169.005.954	9.163.620.365	
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	-	-	-	-	
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	-	-	-	-	

Người lập biểu

Kế toán trưởng

(Signature)

(Signature)



Lê Thị Hà

Đỗ Thị Thu

Trần Anh Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2022 (Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 1 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		11.865.618.139	9.870.029.257
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9	3.968.768.764	7.608.929.997
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.876.489.108)	(14.471.157.975)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	10.428.397.451	9.476.107.811
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		23.386.295.246	12.483.909.090
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(132.471.509.760)	(47.414.486.761)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(125.451.884.458)	(67.168.224.931)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(82.888.063.663)	(40.439.885.055)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(248.905.836)	2.488.633.548
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.661.274.163)	(6.356.732.811)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(6.278.625.827)	(12.451.268.053)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.19	(1.518.940.000)	(879.373.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(328.132.908.461)	(159.737.427.973)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(7.088.180.000)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		45.000.000	788.368.690
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(10.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		3.000.000.000	1.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2c	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.855.792.727	12.914.335.333
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.187.387.273)	4.702.704.023

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2022 (Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.17	223.321.061.121	113.396.155.861
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17	(239.336.040.881)	(117.155.846.483)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.20	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(16.014.979.760)	(3.759.690.622)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(346.335.275.494)	(158.794.414.572)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	513.520.941.876	359.621.131.978
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	167.185.666.382	200.826.717.406

Người lập biểu

Lê Thị Hà

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thu

Lập, ngày 27 tháng 04 năm 2022

Tổng Giám đốc



Trần Anh Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2022 (Từ 01/01/2021 đến 31/03/2022)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đạt Phương (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây lắp, thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty:

- Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông thủy lợi;
- Đầu tư xây dựng các công trình thủy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp đến 35KV;
- Thuê và cho thuê các máy móc, thiết bị ngành xây dựng.
- Kinh doanh bất động sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Sông Bung	Thôn Pà Dấu 2, thị trấn Thạnh Mỹ, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam	Sản xuất và kinh doanh điện năng	61,32%	61,32%	61,32%	61,32%
Công ty cổ phần xây dựng Đạt Phương số 1	Tầng 12A, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội	Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông thủy lợi				
Công ty cổ phần xây dựng Đạt Phương số 2 (Công ty TNHH MTV Đạt Phương Sài Gòn)	Tầng 4, tòa nhà BSI Tower, 193-195-197 đường Nguyễn Thị Nhung, KĐT Vạn Phúc, Phường Hiệp Bình Phước, Thành phố Thủ Đức, Tp Hồ Chí Minh	Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông thủy lợi	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần 30 – 4 Quảng Ngãi	Thôn Mang Trầy, xã Sơn Lập, Huyện Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi	Sản xuất và kinh doanh điện năng	68,3%	68,3%	68,3%	68,3%
Công ty Cổ phần Đạt Phương Hội An	Số nhà SH1,2 khu đô thị Casamia, thôn Võng Nhi, xã Cẩm Thanh, TP Hội An, tỉnh Quảng Nam	Kinh doanh bất động sản, dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà ở	88,89%	80%	88,89%	80%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2022 (Từ 01/01/2021 đến 31/03/2022)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này

7. Nhân viên

Tại ngày 31/03/2022, Công ty có 405 nhân viên đang làm việc (Số đầu năm là 429 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2022 (Từ 01/01/2021 đến 31/03/2022)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính. Trường hợp cổ phiếu đã niêm yết trên thị trường chứng khoán không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng, cổ phiếu đã niêm yết bị hủy niêm yết, bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch: việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của công ty được đầu tư mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Công ty so với tổng số vốn điều lệ thực góp.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2022 (Từ 01/01/2021 đến 31/03/2022)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2022 (Từ 01/01/2021 đến 31/03/2022)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{kinh doanh dở} \\ \text{dang cuối kỳ} \end{array} = \frac{\text{Chi phí SXKD dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí} \\ \text{SXKD phát sinh trong kỳ}}{\text{Doanh thu phát sinh trong kỳ} + \text{Giá trị sản} \\ \text{lượng dở dang cuối kỳ}} \times \text{Giá trị sản lượng} \\ \text{dở dang cuối kỳ}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị sản lượng} \\ \text{dở dang cuối kỳ} \end{array} = \text{Khối lượng kiểm kê dở dang} \times \text{Đơn giá ký hợp} \\ \text{đồng với CĐT}$$

Giá xuất kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2022 (Từ 01/01/2021 đến 31/03/2022)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 6
Máy móc và thiết bị	5 – 8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 7
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 7
Tài sản cố định khác	3 – 4

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ bao gồm chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2022 (Từ 01/01/2021 đến 31/03/2022)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

12. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Khoản dự phòng phải trả của Công ty là dự phòng bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành. Mức trích lập dự phòng bảo hành không quá 5% doanh thu của các công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

13. Trái phiếu thường

Trái phiếu thường là trái phiếu không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chiết khấu trái phiếu cộng phụ trội trái phiếu.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2022 (Từ 01/01/2021 đến 31/03/2022)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2022 (Từ 01/01/2021 đến 31/03/2022)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2022 (Từ 01/01/2021 đến 31/03/2022)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ (31/03/2022)	Số đầu năm (01/01/2022)
Tiền mặt	249.031.822	290.946.833
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	65.346.515.218	186.570.118.070
Các khoản tương đương tiền (là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	101.590.119.342	326.659.876.973
Cộng	167.185.666.382	513.520.941.876

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối kỳ (31/03/2022)			Số đầu năm (01/01/2022)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (14.598 cổ phiếu)	205.442.500	635.013.000		205.442.500	430.619.700	

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2022 (Từ 01/01/2021 đến 31/03/2022)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ (31/03/2022)		Số đầu năm (01/01/2022)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	82.620.619.100	82.620.619.100	82.620.619.100	82.620.619.100
Tiền gửi có kỳ hạn	82.620.619.100	82.620.619.100	82.620.619.100	82.620.619.100
Cộng	82.620.619.100	82.620.619.100	82.620.619.100	82.620.619.100

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ (31/03/2022)		Số đầu năm (01/01/2022)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	657.358.000.000		657.358.000.000	
Công ty Cổ phần Sông Bung ⁽ⁱ⁾	116.508.000.000		116.508.000.000	
Công ty cổ phần xây dựng Đạt Phương số 2 ⁽ⁱⁱ⁾	5.000.000.000		5.000.000.000	
Công ty Cổ phần 30 - 4 Quảng Ngãi ⁽ⁱⁱⁱ⁾	383.850.000.000		383.850.000.000	
Công ty Cổ phần Đạt Phương Hội An ^(iv)	152.000.000.000		152.000.000.000	
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	759.000.000		759.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu Đồng Nai ^(v)	759.000.000		759.000.000	
Cộng	658.117.000.000		658.117.000.000	

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 01030542893 ngày 09 tháng 3 năm 2009, thay đổi lần 12 ngày 14 tháng 12 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Sông Bung 116.508.000.000 VND, sở hữu 11.650.800 cổ phiếu tương đương 61,32% vốn điều lệ.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310295378 ngày 01 tháng 09 năm 2010, thay đổi lần thứ 6 ngày 24 tháng 03 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần xây dựng Đạt Phương số 2 số tiền là 5.000.000.000 VND.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4300506732 ngày 24 tháng 3 năm 2010, thay đổi lần 9 ngày 15 tháng 12 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần 30-4 Quảng Ngãi là 562.000.000.000 VND. Công ty đầu tư vào Công ty này 383.850.000.000 đồng (tương đương 38.385.000 cổ phần) chiếm 68,3% vốn điều lệ.
- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4001115346 ngày 10 tháng 7 năm 2017, thay đổi lần thứ 4 ngày 22 tháng 11 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đạt Phương Hội An là 171.000.000.000 VND. Công ty đầu tư vào Công ty này 152.000.000.000 đồng (tương đương 15.200.000 cổ phần) chiếm 88,89% vốn điều lệ.
- (v) Tại ngày 31/03/2022, Công ty hiện còn nắm giữ 75.900 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu Đồng Nai.
Giá trị hợp lý
Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2022 (Từ 01/01/2021 đến 31/03/2022)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ngày 18 tháng 03 năm 2022, Công ty cổ phần xây dựng Đạt Phương số 1 được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109936615 theo QĐ số 17/QĐ-ĐP-HĐQT ngày 14/03/2022. Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực thi công xây lắp các công trình giao thông, thủy lợi, dân dụng.

Công ty TNHH MTV Đạt Phương Sài Gòn đã hoạt động trở lại và được chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty cổ phần xây dựng Đạt Phương số 2 từ ngày 24/03/2022 theo QĐ số 56/QĐ-ĐP-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 14/03/2022.

Các công ty con khác đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm		36.645.904.415
Trích lập dự phòng bổ sung		0
Hoàn nhập dự phòng		(36.645.904.415)
Số cuối kỳ		0

Giao dịch với các công ty con

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con như sau:

	<u>Quý 1 năm 2022</u>	<u>Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022</u>
<i>Công ty Cổ phần Sông Bung</i>		
<i>Công ty TNHH MTV Đạt Phương Sài Gòn</i>		
<i>Công ty Cổ phần 30 - 4 Quảng Ngãi</i>		
<i>Công ty Cổ phần Đạt Phương Hội An</i>		
Doanh thu cho thuê thiết bị cho ĐP Hội An	123.000.000	123.000.000
Doanh thu XL hạ tầng khu Võng Nhi	1.181.966.325	1.181.966.325
Doanh thu XL nhà ở khu Võng Nhi	3.346.751.028	3.346.751.028
Doanh thu XL hạ tầng khu Đồng Nà		
Doanh thu XL hạ tầng khu Cồn Tiến	38.546.946.166	38.546.946.166
Doanh thu XL hạng mục cọc nhà ở khu Đồng Nà		
Doanh thu hỗ trợ dịch vụ quản lý	5.521.885.522	5.521.885.522
Lãi chậm trả	2.180.615.555	2.180.615.555

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ (31/03/2022)</u>	<u>Số đầu năm (01/01/2022)</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	248.845.600.600	209.488.602.082
Công ty cổ phần 30-4 Quảng Ngãi	6.988.150.400	9.905.898.800
Công ty Cổ phần Đạt Phương Hội An	241.857.450.200	199.582.703.282
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	302.482.793.778	321.500.477.879
Ban quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai (*)	33.800.845.654	33.800.845.654
Công ty cổ phần đầu tư địa ốc Đại Quang Minh	106.057.056.519	97.856.322.204
Các khách hàng khác	162.624.891.605	189.843.310.021
Cộng	551.328.394.378	530.989.079.961

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2022 (Từ 01/01/2021 đến 31/03/2022)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (*) Khoản phải thu liên quan đến hợp đồng xây dựng – chuyển giao (BT) dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Km0+317 trên tuyến đường dẫn phía Bắc cầu Cửa Đại, sẽ được hoàn trả bằng quỹ đất theo hình thức đổi đất lấy cơ sở hạ tầng. Quỹ đất được hoàn trả gồm Khu đô thị Đồng Nà (Bến Trẽ), thành phố Hội An: 6ha; Khu đô thị Vĩng Nhi, thành phố Hội An: 15ha; Khu đô thị Cồn Tiên, thành phố Hội An: 30ha; Khu đô thị Nổi Rang, huyện Duy Xuyên: 25ha. Năm 2018, đã hoàn trả và làm thủ tục đổi trừ giá trị quyền sử dụng đất của Khu đô thị Vĩng Nhi. Năm 2019, đã hoàn trả và làm thủ tục đổi trừ giá trị quyền sử dụng đất của Khu đô thị Đồng Nà và Khu đô thị Nổi Rang.

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ (31/03/2022)	Số đầu năm (01/01/2022)
Trả trước cho các bên liên quan	374.099.272	374.099.272
Công ty cổ phần Sông Bung	374.099.272	374.099.272
Trả trước cho các người bán khác	136.414.101.033	56.061.185.454
Công ty TNHH Thanh Tiến	9.382.672.613	7.170.505.044
Công ty cổ phần giao thông xây dựng số 1	18.768.264.044	11.773.230.465
CTCP - Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng Thăng Long	39.164.695.547	
Các nhà cung cấp khác	69.098.468.829	37.117.449.945
Cộng	136.788.200.305	56.435.284.726

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn, dài hạn

5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn

5b. Phải thu về cho vay dài hạn:

Khoản cho vay theo hợp đồng ngày 26 tháng 12 năm 2018 với lãi suất cố định 9%/năm cho toàn bộ thời gian vay, trả lãi hàng quý, trường hợp không trả lãi theo đúng lịch thì tiền lãi sẽ được gộp vào tiền gốc và được tính theo lãi suất quy định trên. Thời hạn vay tối đa là 08 năm kể từ ngày cho vay. Tài sản đảm bảo là 3.800.000 cổ phần phổ thông của Công ty Cổ phần Đầu tư Phương Nam (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần) thuộc sở hữu của Ông Nguyễn Văn Phương (Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Phương Nam).

	Số cuối năm	Số đầu năm
Gốc cho vay	37.500.000.000	37.500.000.000
Lãi cho vay	3.486.466.807	5.510.770.426
Cộng	40.986.466.807	43.010.770.426

6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ (31/03/2022)		Số đầu năm (01/01/2022)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	18.445.942.092		8.498.203.249	
Công ty cổ phần Đạt Phương Hội An	18.445.942.092		8.498.203.249	
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	46.901.474.635		33.443.015.296	
Tạm ứng	45.266.340.096		31.051.582.836	
Dự thu lãi tiền gửi tiết kiệm			557.346.137	
Tạm ứng kinh phí giải phóng mặt bằng	1.345.540.280		1.495.540.280	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	289.594.259		338.546.043	
Cộng	65.347.416.727		41.941.218.545	

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2022 (Từ 01/01/2021 đến 31/03/2022)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6b. Phải thu dài hạn khác**

	Số cuối kỳ (31/03/2022)		Số đầu năm (01/01/2022)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	300.000.000.000		300.000.000.000	
Công ty cổ phần Đạt Phương Hội An	300.000.000.000		300.000.000.000	
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	0		0	
Cộng	300.000.000.000		300.000.000.000	

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ (31/03/2022)		Số đầu năm (01/01/2022)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu				
Công cụ, dụng cụ	274.915.000		503.810.000	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	580.546.665.634		454.865.886.176	
Cộng	580.821.580.634		455.369.696.176	

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ (31/03/2022)	Số đầu năm (01/01/2022)
Chi phí công cụ dụng cụ	2.632.424.200	2.580.425.764
Chi phí bảo hiểm	165.870.712	165.870.712
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	4.924.244	4.924.244
Cộng	2.803.219.156	2.751.220.720

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ (31/03/2022)	Số đầu năm (01/01/2022)
Chi phí công cụ dụng cụ	6.403.437.583	6.206.530.183
Chi phí bảo hiểm	926.212.541	926.212.541
Chi phí sửa chữa	900.866.068	900.866.068
Các chi phí trả trước dài hạn khác	512.788.587	512.788.587
Cộng	8.743.304.779	8.546.397.379

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2022 (Từ 01/01/2021 đến 31/03/2022)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm (01/01/2022)	478.825.050	239.999.650.652	64.111.238.347	637.213.083	6.273.533.774	311.500.460.906
Mua trong năm		65.000.000	6.531.680.000			6.596.680.000
Đầu tư XDCB hoàn thành			(303.700.000)			-
Thanh lý, nhượng bán						(303.700.000)
Số cuối kỳ (31/03/2022)	478.825.050	240.064.650.652	70.339.218.347	637.213.083	6.273.533.774	317.793.440.906
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	478.825.050	176.670.936.213	40.452.633.336	171.863.537	4.843.545.788	222.617.803.924
Chờ thanh lý						
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm (01/01/2022)	478.825.050	222.701.943.628	48.173.712.982	374.403.943	5.971.578.146	277.700.463.749
Khấu hao trong năm		2.606.603.508	1.229.624.292	33.213.933	75.993.700	3.945.435.433
Thanh lý, nhượng bán			(303.700.000)			(303.700.000)
Số cuối kỳ (31/03/2022)	478.825.050	225.308.547.136	49.099.637.274	407.617.876	6.047.571.846	281.342.199.182
Giá trị còn lại						
Số đầu năm (01/01/2022)		17.297.707.024	15.937.525.365	262.809.140	301.955.628	33.799.997.157
Số cuối kỳ (31/03/2022)		14.756.103.516	21.239.581.073	229.595.207	225.961.928	36.451.241.724

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng

Đang chờ thanh lý

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 7.764.176.922 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2022 (Từ 01/01/2021 đến 31/03/2022)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình**

	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	1.418.944.090	1.418.944.090
Số cuối kỳ	1.418.944.090	1.418.944.090
<i>Trong đó:</i>		
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.138.944.090	1.138.944.090
Giá trị hao mòn		
Số đầu năm	1.266.972.751	1.266.972.751
Tăng trong kỳ	23.333.331	23.333.331
Giảm trong kỳ		
Số cuối kỳ	1.290.306.082	1.290.306.082
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	151.971.339	151.971.339
Số cuối kỳ	128.638.008	128.638.008

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là chi phí mua sắm tài sản cố định

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ (31/03/2022)	Số đầu năm (01/01/2022)
Phải trả các bên liên quan	6.376.333.861	6.377.873.154
Công ty cổ phần xây dựng Đạt Phương số 2	6.370.742.447	6.370.742.447
Công ty cổ phần Đạt Phương Hội An	5.591.414	7.130.707
Phải trả các nhà cung cấp khác	173.237.732.307	306.647.201.606
Cộng	179.614.066.168	313.025.074.760

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ (31/03/2022)	Số đầu năm (01/01/2022)
Trả trước của các bên liên quan		
Trả trước của các khách hàng khác	494.992.604.657	451.605.841.115
Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Nam	62.554.495.240	6.420.118.424
Ban quản lý dự án 7	38.326.576.871	56.321.805.741
Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Nam	137.550.984.766	137.550.984.766
Ban quản lý dự án đầu tư XD khu vực Phú Quốc	67.376.133.644	106.125.210.706
Ban Quản lý Khu kinh tế Trà Vinh	65.094.978.000	51.705.255.342
Các khách hàng khác	124.089.436.136	93.482.466.136
Cộng	494.992.604.657	451.605.841.115

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2022 (Từ 01/01/2021 đến 31/03/2022)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa			1.510.398.540	(1.510.398.540)		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.159.718.577		2.696.612.185	(6.278.625.827)	2.577.704.935	
Thuế thu nhập cá nhân	6.310.822	36.758.356	2.574.180.553	(2.587.409.158)	6.094.356	49.770.495
Thuế tài nguyên	1.650.540.540		845.101.280	(1.650.540.540)	845.101.280	
Thuế môn bài			4.000.000	(4.000.000)		
Các loại thuế khác				-		
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	662.446.533		1.151.895.518	(1.468.375.746)	345.966.305	
Cộng	8.479.016.472	36.758.356	8.782.188.076	(13.499.349.811)	3.774.866.876	49.770.495

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Quý 1 năm 2022	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.865.618.139	11.865.618.139
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.255.671.984	1.255.671.984
<i>Thù lao thành viên HĐQT không trực tiếp điều hành</i>	345.000.000	345.000.000
<i>Chi phí khấu hao xe ô tô tương ứng với phần nguyên giá vượt trên 1,6 tỷ đồng.</i>	718.087.974	718.087.974
<i>Các khoản chi phí không hợp lý, hợp lệ</i>	192.584.010	192.584.010
- Các khoản điều chỉnh giảm	0	0
Thu nhập chịu thuế	13.121.290.123	13.121.290.123
Thu nhập được miễn thuế	(2.321.400)	(2.321.400)
Thu nhập tính thuế	13.118.968.723	13.118.968.723
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	2.623.793.745	2.623.793.745
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	72.818.440	72.818.440
Tổng Thuế thu nhập DN còn phải nộp	2.696.612.185	2.696.612.185

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác cát, đá với mức thuế suất lần lượt 15% và 10%.

Các loại thuế khác: Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2022 (Từ 01/01/2021 đến 31/03/2022)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối kỳ (31/03/2022)	Số đầu năm (01/01/2022)
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	36.155.622.263	6.760.871.828
Trích trước chi phí	22.999.870.208	1.372.243.061
Dự trả lãi trái phiếu	13.155.752.055	5.388.628.767
Cộng	36.155.622.263	6.760.871.828

16. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ (31/03/2022)	Số đầu năm (01/01/2022)
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	4.385.172.928	4.885.057.205
Kinh phí công đoàn	1.331.967.731	1.554.835.239
BHXH; BHYT; BHTN	644.765.170	
Thuế TNCN phải trả lại người lao động	1.923.994.685	1.923.994.685
Phải trả các cá nhân về chi phí đã chi	0	384.018.293
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	484.445.342	1.022.208.988
Cộng	4.385.172.928	4.885.057.205

17. Vay**17a. Vay ngắn hạn**

	Số cuối kỳ (31/03/2022)	Số đầu năm (01/01/2022)
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	654.977.211.183	670.621.286.214
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Thăng Long ⁽ⁱ⁾	321.995.567.707	351.097.375.844
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long ⁽ⁱⁱ⁾	309.894.806.961	279.448.039.535
Vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- CN Thăng Long ⁽ⁱⁱⁱ⁾	23.086.836.515	40.075.870.835
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.33b)</i>	<i>1.483.618.916</i>	<i>1.483.618.916</i>
Cộng	656.460.830.099	672.104.905.130

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Thăng Long với hạn mức tín dụng là 550.000.000.000 VND để thanh toán công nợ với nhà cung cấp với lãi suất áp dụng cho từng món vay được quy định trong kế ước nhận nợ, thời hạn vay từ 06 đến 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố tài sản của các cá nhân là bên liên quan với Công ty có ký hợp đồng cho mượn tài sản để cầm cố (Xem thuyết minh VIII.1).

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Thăng Long với hạn mức tín dụng là 400.000.000.000 VND để thanh toán công nợ với nhà cung cấp với lãi suất áp dụng cho từng món vay được quy định trong kế ước nhận nợ, thời hạn vay từ 06 đến 12 tháng.

(iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long với hạn mức tín dụng là 300.000.000.000 VND để thanh toán công nợ với nhà cung cấp với lãi suất áp dụng cho từng món vay được quy định trong kế ước nhận nợ, thời hạn vay từ 03 đến 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2022 (Từ 01/01/2021 đến 31/03/2022)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm (01/01/2022)	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ (31/03/2022)
Vay bên liên quan	-	-	-	-	-
Vay ngân hàng	670.621.286.214	223.321.061.121	-	(238.965.136.152)	654.977.211.183
Vay dài hạn đến hạn trả	1.483.618.916	-	370.904.729	(370.904.729)	1.483.618.916
Cộng	672.104.905.130	223.321.061.121	370.904.729	(239.336.040.881)	656.460.830.099

17b. Vay dài hạn

	Số cuối kỳ (31/03/2022)	Số đầu năm (01/01/2022)
Vay bên liên quan		
Vay dài hạn ngân hàng	2.048.870.953	2.419.775.682
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Thăng Long ⁽ⁱ⁾	1.542.925.000	1.724.100.000
Vay dài hạn Shinhanbank ⁽ⁱⁱ⁾	505.945.953	695.675.682
Trái phiếu thường dài hạn⁽ⁱⁱⁱ⁾	300.000.000.000	300.000.000.000
Trái phiếu DPGH2124001	300.000.000.000	300.000.000.000
Cộng	302.048.870.953	302.419.775.682

- (i) Các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long để mua sắm máy móc thiết bị với thời hạn vay 60 tháng, lãi suất thả nổi, được điều chỉnh 1 đến 6 tháng một lần. Tài sản đảm bảo là các tài sản hình thành từ vốn vay.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội để mua xe ô tô với thời hạn vay 36 tháng, lãi suất cho vay cố định 7,9%/năm. Gốc vay được thanh toán hàng tháng, tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay.
- (iii) Trái phiếu không chuyển đổi và có đảm bảo kỳ hạn 03 năm, mệnh giá 100.000.000 VND/trái phiếu, lãi suất 10,5% trong năm đầu tiên kể từ ngày phát hành, từ năm thứ 2 lãi suất sẽ tính bằng bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm bằng Việt Nam Đồng kỳ hạn 12 tháng trả sau áp dụng với khách hàng cá nhân của 4 Ngân hàng (gồm Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam) cộng biên độ 3,5%/năm (trong mọi trường hợp lãi suất không thấp hơn 10,5%/năm) và được thanh toán định kỳ mỗi 6 tháng. Tài sản đảm bảo là 19.000.000 cổ phiếu đang lưu hành và tự do chuyển nhượng của Công ty thuộc sở hữu của Ban lãnh đạo Công ty có giá trị luôn ít nhất bằng 200% tổng giá trị Trái phiếu phát hành. Tổng mệnh giá trái phiếu phát hành là 300.000.000.000 VND. Toàn bộ số tiền thu được sau khi phát hành được cung cấp cho Công ty Cổ phần Đạt Phương Hội An (Công ty con) để thực hiện Dự án Khu đô thị Cồn Tiến, xã Cẩm Thanh, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam. Các chi phí phát hành trái phiếu, lãi trái phiếu phát sinh do Công ty con chi trả.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Số cuối kỳ (31/03/2022)				
Vay dài hạn ngân hàng	3.532.489.869	1.483.618.916	2.048.870.953	-
Trái phiếu thường	300.000.000.000	0	300.000.000.000	-
Cộng	303.532.489.869	1.483.618.916	302.048.870.953	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2022 (Từ 01/01/2021 đến 31/03/2022)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Số đầu năm (01/01/2022)				
Vay dài hạn ngân hàng	3.903.394.598	1.483.618.916	2.419.775.682	
Trái phiếu thường	300.000.000.000		300.000.000.000	
Cộng	303.903.394.598	1.483.618.916	302.419.775.682	

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm (01/01/2022)	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Trả nợ/Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Số cuối kỳ (31/03/2022)
Vay dài hạn ngân hàng	2.419.775.682		(370.904.729)	2.048.870.953
Trái phiếu thường	300.000.000.000			300.000.000.000
Cộng	302.419.775.682		(370.904.729)	302.048.870.953

18. Dự phòng phải trả ngắn hạn/dài hạn**18a. Dự phòng phải trả ngắn hạn****18b. Dự phòng phải trả dài hạn**

Dự phòng phải trả dài hạn liên quan đến Dự phòng bảo hành công trình xây lắp. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm (01/01/2022)	684.089.741
Kết chuyển sang dự phòng phải trả ngắn hạn	-
Số cuối kỳ (31/03/2022)	684.089.741

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm (01/01/2022)	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối kỳ (31/03/2022)
Quỹ khen thưởng	4.866.217.711		(1.213.650.000)	3.652.567.711
Quỹ phúc lợi	9.176.515.839		(305.290.000)	8.871.225.839
Cộng	14.042.733.550		(1.518.940.000)	12.523.793.550

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2022 (Từ 01/01/2021 đến 31/03/2022)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Vốn chủ sở hữu**20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	449.998.100.000	49.341.290.000	(36.786.835.025)	41.352.798.365	340.699.633.132	844.604.986.472
Phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu	179.997.440.000	(49.341.290.000)	-	-	(130.656.150.000)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	89.110.873.408	89.110.873.408
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	17.732.079.678	36.786.835.025	-	-	54.518.914.703
Chia cổ tức	-	-	-	-	(44.999.810.000)	(44.999.810.000)
Trích quỹ khen thưởng	-	-	-	-	(1.932.791.086)	(1.932.791.086)
Số dư cuối năm trước	629.995.540.000	17.732.079.678	-	41.352.798.365	252.221.755.454	941.302.173.497
Số dư đầu năm nay	629.995.540.000	17.732.079.678	-	41.352.798.365	252.221.755.454	941.302.173.497
Tăng vốn từ lợi nhuận, thặng dư						
Trả cổ tức					9.169.005.954	9.169.005.954
Lợi nhuận trong kỳ					-	-
Bán cổ phiếu quỹ						
Trích lập các quỹ						
Số dư cuối kỳ này	629.995.540.000	17.732.079.678	-	41.352.798.365	261.390.761.408	950.471.179.451

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2022 (Từ 01/01/2021 đến 31/03/2022)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ (31/03/2022)	Số đầu năm (01/01/2022)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	62.999.554	62.999.554
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	62.999.554	62.999.554
- Cổ phiếu phổ thông	62.999.554	62.999.554
- Cổ phiếu ưu đãi	0	0
Số lượng cổ phiếu được mua lại	0	0
- Cổ phiếu phổ thông	0	0
- Cổ phiếu ưu đãi	0	0
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	62.999.554	62.999.554
- Cổ phiếu phổ thông	62.999.554	62.999.554
- Cổ phiếu ưu đãi	0	0

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Quý 1 năm 2022	Quý 1 năm 2021	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022	Từ 01/01/2021 đến 31/03/2021
Doanh thu hợp đồng xây dựng	183.260.200.179	134.445.809.146	183.260.200.179	134.445.809.146
Doanh thu bán hàng hóa	175.595.454	1.000.058.615	175.595.454	1.000.058.615
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.769.746.633	2.176.904.095	5.769.746.633	2.176.904.095
Cộng	189.205.542.266	137.622.771.856	189.205.542.266	137.622.771.856

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con.

2. Giá vốn hàng bán

	Quý 1 năm 2022	Quý 1 năm 2021	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022	Từ 01/01/2021 đến 31/03/2021
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	154.630.904.654	119.480.147.038	154.630.904.654	119.480.147.038
Giá vốn hàng hóa đã bán	169.506.768	937.092.068	169.506.768	937.092.068
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	4.393.586.329	1.735.674.825	4.393.586.329	1.735.674.825
Cộng	159.193.997.751	122.152.913.931	159.193.997.751	122.152.913.931

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2022 (Từ 01/01/2021 đến 31/03/2022)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý 1 năm 2022</u>	<u>Quý 1 năm 2021</u>	<u>Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022</u>	<u>Từ 01/01/2021 đến 31/03/2021</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.890.755.705	1.295.822.284	1.890.755.705	1.295.822.284
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	35.100.822	20.694.028	35.100.822	20.694.028
Lãi tiền cho vay	938.412.003	934.330.893	938.412.003	934.330.893
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.321.400	11.660.085.600	2.321.400	11.660.085.600
Doanh thu hoạt động tài chính khác	2.180.615.555		2.180.615.555	
Cộng	5.047.205.485	13.910.932.805	5.047.205.485	13.910.932.805

4. Chi phí tài chính

	<u>Quý 1 năm 2022</u>	<u>Quý 1 năm 2021</u>	<u>Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022</u>	<u>Từ 01/01/2021 đến 31/03/2021</u>
Chi phí lãi vay	10.428.397.451	9.476.107.811	10.428.397.451	9.476.107.811
Chi phí mượn tài sản mang đi thế chấp	127.981.479	129.646.233	127.981.479	129.646.233
Dự phòng tổn thất đầu tư	-	-	-	-
Chi phí khác				
Cộng	10.556.378.930	9.605.754.044	10.556.378.930	9.605.754.044

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý 1 năm 2022</u>	<u>Quý 1 năm 2021</u>	<u>Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022</u>	<u>Từ 01/01/2021 đến 31/03/2021</u>
Chi phí cho nhân viên	7.034.726.741	6.035.358.665	7.034.726.741	6.035.358.665
Chi phí vật liệu	214.497.709	117.626.626	214.497.709	117.626.626
Chi phí đồ dùng văn phòng	55.453.636	538.264.059	55.453.636	538.264.059
Chi phí khấu hao tài sản cố định	597.246.573	1.042.728.582	597.246.573	1.042.728.582
Thuế, phí và lệ phí	143.927.974	4.000.000	143.927.974	4.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.270.365.643	3.134.907.778	3.270.365.643	3.134.907.778
Các chi phí khác	1.842.390.915	25.476.883	1.842.390.915	25.476.883
Cộng	13.158.609.191	10.898.362.593	13.158.609.191	10.898.362.593

6. Thu nhập khác

	<u>Quý 1 năm 2022</u>	<u>Quý 1 năm 2021</u>	<u>Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022</u>	<u>Từ 01/01/2021 đến 31/03/2021</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	45.000.000	788.368.690	45.000.000	788.368.690
Thu từ thanh lý CCDC	-	206.619.545	-	206.619.545
Thu nhập khác	497.973.634	1	497.973.634	1
Cộng	542.973.634	994.988.236	542.973.634	994.988.236

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2022 (Từ 01/01/2021 đến 31/03/2022)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Chi phí khác

	<u>Quý 1 năm 2022</u>	<u>Quý 1 năm 2021</u>	<u>Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022</u>	<u>Từ 01/01/2021 đến 31/03/2021</u>
Giá trị còn lại của CCDC bán thanh lý		0		0
Chi phí khác	21.117.374	1.633.072	21.117.374	1.633.072
Cộng	21.117.374	1.633.072	21.117.374	1.633.072

8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Quý 1 năm 2022</u>	<u>Quý 1 năm 2021</u>	<u>Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022</u>	<u>Từ 01/01/2021 đến 31/03/2021</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	154.421.239.464	69.061.480.945	154.421.239.464	69.061.480.945
Chi phí nhân công	22.853.776.597	18.197.485.877	22.853.776.597	18.197.485.877
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.968.768.764	7.608.929.997	3.968.768.764	7.608.929.997
Chi phí dịch vụ mua ngoài	111.395.861.128	83.991.617.750	111.395.861.128	83.991.617.750
Chi phí khác	3.233.536.056	3.383.961.635	3.233.536.056	3.383.961.635
Cộng	295.873.182.009	182.243.476.204	295.873.182.009	182.243.476.204

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Lũy kế đến kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi cho vay nhập gốc	975.696.381	975.903.444
Tăng vốn cổ phần bằng lợi nhuận, thặng dư		

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và chỉ phát sinh các giao dịch sau với các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2022 (Từ 01/01/2021 đến 31/03/2022)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Lũy kế đến kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Phí mượn tài sản đảm bảo:		
- Ông Lương Minh Tuấn	64.938.329	65.631.674
- Ông Phạm Kim Châu	28.997.260	28.997.260
- Bà Lương Thị Lan – Bên liên quan của Hội đồng quản trị	9.688.192	10.050.658

Cam kết bảo lãnh

Ông Lương Minh Tuấn và ông Phạm Kim Châu dùng quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Thăng Long với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này tối đa là 18.141.000.000 VND (xem thuyết minh số V.17a).

Ông Lương Minh Tuấn, ông Trần Anh Tuấn, ông Phạm Kim Châu, bà Lương Thị Thanh cũng dùng cổ phần của Công ty thuộc sở hữu của mình để làm tài sản đảm bảo cho việc phát hành trái phiếu của Công ty (xem thuyết minh số V.16b)

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Lũy kế đến kỳ này			
	Tiền lương, phụ cấp	Thù lao	Thưởng	Cộng thu nhập
Năm nay				
<i>Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc</i>				
Ông Lương Minh Tuấn - Chủ tịch Hội đồng quản trị		367.920.000		367.920.000
Ông Phạm Kim Châu - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	261.520.000	75.000.000		336.520.000
Ông Trần Anh Tuấn - Ủy viên HĐQT kiêm Tổng GĐ	298.120.000	75.000.000		373.120.000
Ông Đặng Hoàng Huy - Ủy viên Hội đồng quản trị		75.000.000		75.000.000
Ông Đỗ Xuân Diện - Ủy viên Hội đồng quản trị		180.000.000		180.000.000
Bà Lê Thị Thu Trang - Ủy viên Hội đồng quản trị		90.000.000		90.000.000
Ông Ngô Đức Tình - Phó Tổng Giám đốc	93.900.000			93.900.000
Ông Hoàng Gia Chiểu - Phó Tổng Giám đốc	226.020.000			226.020.000
<i>Ban Kiểm soát</i>				
Ông Đoàn Văn Công - Trưởng Ban Kiểm soát		81.960.000		81.960.000
Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh - Kiểm soát viên		75.300.000		75.300.000
Ông Lê Văn Quyết - Kiểm soát viên	65.305.000	12.000.000		77.305.000
Cộng	944.865.000	1.032.180.000		1.977.045.000
Năm trước				
<i>Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc</i>				
Ông Lương Minh Tuấn - Chủ tịch		300.000.000		300.000.000
Ông Phạm Kim Châu - Phó Chủ tịch	204.520.000	45.000.000		249.520.000
Ông Trần Anh Tuấn - Ủy viên HĐQT/Tổng Giám đốc	232.140.000	30.000.000		262.140.000
Bà Lương Thị Thanh - Ủy viên đến ngày 24/04/2021		30.000.000		30.000.000
Ông Nguyễn Văn Đa - Ủy viên đến ngày 24/04/2021		45.000.000		45.000.000
Ông Nguyễn Đỗ Dũng - Ủy viên đến ngày 24/04/2021		45.000.000		45.000.000
Ông Lê Trung Lương - Ủy viên đến ngày 24/04/2021		45.000.000		45.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2022 (Từ 01/01/2021 đến 31/03/2022)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Lũy kế đến kỳ này			
	Tiền lương, phụ cấp	Thù lao	Thưởng	Cộng thu nhập
Ông Ngô Đức Tình - Phó Tổng Giám đốc	94.300.000			94.300.000
Ông Nguyễn Thế Chính - Phó Tổng Giám đốc đến ngày 05/05/2021	177.520.000			177.520.000
Ông Hoàng Gia Chiếu - Phó Tổng Giám đốc	178.020.000			178.020.000
Ban Kiểm soát				
Ông Vũ Văn Phi - Trưởng Ban đến ngày 24/04/2021		99.000.000		99.000.000
Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh – Thành viên		63.000.000		63.000.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Điệp – Thành viên đến ngày 24/04/2021	55.563.000	12.000.000		67.563.000
Cộng	942.063.000	714.000.000		1.656.063.000

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Sông Bung	Công ty con
Công ty TNHH MTV Đạt Phương Sài Gòn	Công ty con
Công ty Cổ phần 30 - 4 Quảng Ngãi	Công ty con
Công ty Cổ phần Đạt Phương Hội An	Công ty con

Giao dịch với các bên liên quan khác

Xem thuyết minh số V.2c.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.6, V.12 và V.16.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh là xây lắp và trong một khu vực địa lý là lãnh thổ Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Người lập biểu

Lê Thị Hà

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thu

Lập, ngày 27 tháng 04 năm 2022

Tổng Giám đốc



Trần Anh Tuấn